

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ SÔNG CẦU  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DSST

Ngày 04/4/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Thơ Hiền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Sơn và ông Nguyễn Ngọc Chấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2021/TLST-KDTM ngày 17 tháng 9 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. *Người đại diện hợp pháp:* Ông Hoàng Vũ Phi Phong, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã Sông Cầu (Theo Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc và Văn bản ủy quyền lại số 1033/NHNoSC-GUQ ngày 12/10/2021 của Giám đốc Chi nhánh Sông Cầu). Địa chỉ liên hệ: Số 10 HV, phường XP, thị xã SC, tỉnh P. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh X, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn PD, xã XT, thị xã SC, tỉnh P. Vắng mặt (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn PD, xã XT, thị xã SC, tỉnh P. Vắng mặt (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 09/9/2021, nguyên đơn là Ngân hàng N do người đại diện hợp pháp trình bày được tóm tắt như sau:

Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Ông Trần Thanh X có vay Ngân hàng N – Chi nhánh Sông Cầu số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 201105126, ký ngày 13/12/2011; lãi suất 19%/năm. Để sử dụng vào mục đích: Nuôi tôm hùm. Thời hạn trả nợ gốc cuối cùng: ngày 12 tháng 12 năm 2018.

Tính đến ngày 06 tháng 09 năm 2021, Ông Trần Thanh X còn nợ Ngân hàng N – Chi nhánh Sông Cầu số tiền sau:

+ Gốc: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);

+ Lãi: 170.461.458 đồng (Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng);

Tổng cộng: 320.461.458 đồng (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng).

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản nợ trên, vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T đã ký hợp đồng thế chấp số 201102068 ngày 13/12/2011, dùng các tài sản sau đây thế chấp cho Ngân hàng: Các thửa đất số 76, 192, 14, 17, 18, 38; thuộc tờ bản đồ số: 13, 14; tọa lạc tại: Thôn PD, xã XT, thị xã SC, tỉnh P.

Nhưng ông Trần Thanh X không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng N theo đúng những thỏa thuận đã ký, để món nợ trên chuyển nợ quá hạn từ ngày 12 tháng 12 năm 2018 (999 ngày).

Hai bên đã có quá trình thương lượng nhiều lần trong suốt thời gian qua, mặc dù Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu đã nhiều lần nhắc nhở, vận động khách hàng trả nợ, hiện tại vẫn đang sản xuất kinh doanh bình thường, có tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, nhưng Hộ Ông Trần Thanh X vẫn cố tình không chịu trả số tiền vay nói trên. Vì vậy, Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu giải quyết:

1- Tuyên buộc: Vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu số tiền gốc còn nợ là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi tính đến ngày 06/9/2021 là 170.461.458 đồng (Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng). Tổng cộng: 320.461.458 đồng (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng).

2- Tuyên buộc: Vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp Đồng Tín Dụng số 201105126 đã được ký kết giữa các bên.

3- Trường hợp vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 201102068 ngày 13/12/2011 để thu hồi nợ.

*\* Bị đơn là ông Trần Thanh X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2021 được tóm tắt như sau:*

Vợ chồng ông Trần Thanh X và bà Phan Thị T thừa nhận có vay Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) vào năm 2011, tiền lãi cho đến nay là 170.461.458đ (Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng). Vợ chồng ông X, bà T có thể chấp quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 76, 192, 14, 17, 18, 38; thuộc tờ bản đồ số: 13, 14; tọa lạc tại: Thôn PD, xã XT, thị xã SC, tỉnh P. Hiện nay, vợ chồng ông X, bà T làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đồng ý giao tài sản thế chấp cho ngân hàng phát mãi thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Vợ chồng ông X, bà T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

#### **Tại phiên tòa:**

*\* Kiểm sát viên phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng. Về quan điểm đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463, 466, 468, 357, 320, 323, 298, 299 của BLDS 2015; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, tuyên xử:

1- Buộc vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu số tiền gốc còn nợ là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi tính đến ngày 06/9/2021 là 170.461.458 đồng (Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng). Tổng cộng: 320.461.458 đồng (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng).

2- Buộc vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp Đồng Tín Dụng số 201105126 đã được ký kết giữa các bên.

3- Trường hợp vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 201102068 ngày 13/12/2011 để thu hồi nợ.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với cá nhân không có đăng ký kinh doanh là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26

BLTTDS. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định loại việc tranh chấp kinh doanh thương mại là chưa phù hợp với quy định tại Điều 30 của BLTTDS.

Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý giải quyết là thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện và lãnh thổ về nơi cư trú của bị đơn.

[2] Bị đơn là ông Trần Thanh X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với hồ sơ khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ vụ án đã được công bố, kiểm tra, công khai chứng cứ, đủ cơ sở xác định:

- Ngày 13/12/2011, ông Trần Thanh X có vay Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu số tiền gốc 150.000.000đ, mục đích nuôi tôm hùm, thời hạn trả nợ là ngày 12/12/2012; sau đó hai bên điều chỉnh gia hạn trả nợ nhiều lần, xác định thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2018. Ngày 09/9/2021, Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện 03 năm quy định tại Điều 429 của BLDS năm 2015; căn cứ Biên bản làm việc giữa hai bên vào ngày 07/5/2021 thì ông X thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng là trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 của BLDS năm 2015. Quá thời hạn trả nợ nhưng bên vay không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS năm 2015 nên phải trả nợ gốc: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); nợ lãi tính đến ngày 06/9/2021: 170.461.458 đồng (Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng). Tổng cộng: 320.461.458 đồng (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng).

- Mặc dù Hợp đồng tín dụng số 201105126 ngày 13/12/2011 được ký kết giữa ông Trần Thanh X với Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu nhưng mục đích sử dụng vốn vay để nuôi tôm hùm là trường hợp đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên làm phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Mặt khác, bà T cũng thừa nhận là nợ chung của vợ chồng nên xác định khoản nợ trên là của vợ chồng ông X, bà T.

Kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc, vợ chồng Trần Thanh X, Phan Thị T còn phải trả lãi trên dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

[4] Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 201102068 ngày 13/12/2011 ông Trần Thanh X đã sử dụng tài sản của mình thế chấp cho Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu để đảm bảo cho khoản nợ trên gồm:

+ Thửa đất số 17, tờ bản đồ 14 (nay là thửa 76, tờ bản đồ 40), diện tích 420m<sup>2</sup>, loại đất LUK, tọa lạc tại thôn PD, xã XT, thị xã SC;

+ Thửa đất số 18, tờ bản đồ 14 (nay là thửa 26, tờ bản đồ 40), diện tích 500m<sup>2</sup>, loại đất LUK, tọa lạc tại thôn PD, xã XT, thị xã SC;

+ Thửa đất số 38, tờ bản đồ 14 (nay là thửa 190, tờ bản đồ 40), diện tích 375m<sup>2</sup>, loại đất LUK, tọa lạc tại thôn PD, xã XT, thị xã SC;

+ Thửa đất số 14, tờ bản đồ 14 (nay là thửa 21, tờ bản đồ 40), diện tích 765m<sup>2</sup>, loại đất BHK, tọa lạc tại thôn PD, xã XT, thị xã SC;

+ Thửa đất số 76, tờ bản đồ 13 (nay là thửa 190, tờ bản đồ 37), diện tích theo Giấy chứng nhận là 850m<sup>2</sup> nhưng theo đo đạc thực tế là 809m<sup>2</sup>, loại đất BHK, tọa lạc tại thôn PD, xã XT, thị xã SC;

+ Thửa đất số 192, tờ bản đồ 13 (nay là thửa 171, tờ bản đồ 40), diện tích theo Giấy chứng nhận là 1230m<sup>2</sup> nhưng theo đo đạc thực tế là 1099m<sup>2</sup>, loại đất BHK, tọa lạc tại thôn PD, xã XT, thị xã SC.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc đối với 06 thửa đất nêu trên là 9.583.000đ (Chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng). Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu được chấp nhận nên vợ chồng ông X, bà T phải chịu. Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu đã nộp tạm ứng 9.583.000đ (Chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) nên vợ chồng ông X, bà T phải hoàn trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Sông Cầu số tiền 9.583.000đ (Chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

[6] Về án phí: Vợ chồng ông Trần Thanh X, bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị còn phải thi hành 320.461.458đ, tương ứng số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 16.023.000đ (Mười sáu triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 8.011.000đ (Tám triệu không trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 299, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

+ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc vợ chồng Trần Thanh X, Phan Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 201105126 ngày 13/12/2011 (được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Sông Cầu với ông Trần Thanh X) số tiền: Nợ gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); nợ lãi tính đến ngày 06/9/2021: 170.461.458 đồng (Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng). Tổng cộng: 320.461.458 đồng (Ba trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng).

[2] Kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc, vợ chồng Trần Thanh X, Phan Thị T còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 201105126 ngày 13/12/2011 được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Sông Cầu với ông Trần Thanh X.

[3] Trường hợp vợ chồng Trần Thanh X, Phan Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 201102068 ngày 13/12/2011 đã được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Sông Cầu với ông Trần Thanh X để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng Trần Thanh X, Phan Thị T phải nộp 9.583.000đ (Chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng); Ngân hàng N đã nộp tạm ứng 9.583.000đ (Chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) nên vợ chồng Trần Thanh X, Phan Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 9.583.000đ (Chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Về án phí: Vợ chồng Trần Thanh X, Phan Thị T phải nộp 16.023.000đ (Mười sáu triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 8.011.000đ (Tám triệu không trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005376 ngày 14/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND Tx. Sông Cầu;
- Chi cục THADS Tx. Sông Cầu;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lý Thơ Hiền**